

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/DS-ST

Ngày 24 tháng 8 năm 2021

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Đình Hoàng và Bà Ngô Thị Thao

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Sứ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2021/QĐST-DS, ngày 26/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Ngọc Q, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Lô 27 Ngô M, phường Đ, thị xã Ayun P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 807/56 Trường C, tổ 1, phường Chi L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đỗ Ngọc Q trình bày:

Giữa tôi và chị Phan Thị T có quen biết nhau. Từ chỗ quen biết và tin tưởng lẫn nhau, vào ngày 22/11/2020 tôi cho chị Phan Thị T vay số tiền 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là một tháng chị T phải trả số tiền vay cho tôi và thỏa thuận lãi vay là 800.000đ (Ba trăm nghìn đồng)/100.000.000đ/tháng, tương đương mức lãi suất là 0,8%/tháng. Kể từ khi vay đến nay tôi đã yêu cầu nhiều lần chị T trả cho tôi số tiền vay, nhưng chị T không trả cho tôi khoản tiền gốc và tiền lãi nào.

Nay tôi yêu cầu chị Phan Thị T phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 360.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 0,8%/tháng, tính từ lúc vay cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra anh Q không có yêu cầu nào khác.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập bị đơn là chị Phan Thị T đến Tòa án làm việc để trình bày, tham gia phiên tòa nhưng chị T không chấp hành nên không có lời khai tại hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản xác định thời hạn và có lãi; bị đơn cư trú tại địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn chị Phan Thị T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung của Bộ luật tố tụng dân sự theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để bị đơn đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đã không chấp hành, không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Bị đơn đã không chấp hành pháp luật đầy đủ, đã từ chối quyền được chứng minh phản đối yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 91 và phải chịu hậu quả theo Khoản 25 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh Đỗ Ngọc Q và chị Phan Thị T là chỗ quan hệ quen biết nhau, có việc giao dịch vay tiền. Anh Đỗ Ngọc Q yêu cầu chị Phan Thị T phải trả số tiền gốc là 360.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 22/11/2020. Chị Phan Thị T quá trình xét xử, Tòa án triệu tập nhưng không chấp hành, không có lời khai tại hồ sơ, nhưng căn cứ theo Giấy vay tiền ngày 22/11/2020 thì chị Phan Thị T, SCM: 231139977, cấp ngày 23/9/2013, SĐT: 0702187805, địa chỉ: Tổ 1, số nhà 807/56 Trường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai có vay của anh Q, địa chỉ: Lô 27 Ngõ M, phường Đ, thị xã Ayun P, tỉnh Gia Lai số tiền 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) với thời hạn vay là 01 tháng. Như vậy yêu cầu của anh Q là có căn cứ cần chấp

nhận buộc chị Phan Thị T phải trả số tiền nợ gốc 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. HĐXX xét thấy trong giấy vay tiền hai bên chỉ ghi mức lãi suất như sau: Lãi suất thỏa thuận (theo ngân hàng). Nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 800.000đ/tháng/100.000.000đ, tương đương mức lãi suất 0,8%/tháng. Xét thấy rằng tuy các bên không ghi cụ thể trong hợp đồng mức lãi suất là bao nhiêu, nhưng mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 0,8%/tháng là phù hợp với thực tế cho vay tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn tại tỉnh Gia Lai (Mức cho vay của các ngân hàng thương mại còn cao hơn) và không vi phạm quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận. Vì vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi từ khi vay (22/11/2020) đến khi xét xử (24/8/2021) là $360.000.000đ \times 0,8\%/tháng \times 09 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 26.112.000đ$ (Hai sáu triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

[4] Về tiền án phí:

Cần buộc bị đơn chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Đỗ Ngọc Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Tại phiên tòa hôm nay đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn đã không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Phan Thị T phải trả cho anh Đỗ Ngọc Q số tiền gốc 360.000.000đ, tiền lãi kể từ ngày vay tiền đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 0,8%/tháng và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 91, 92, 227, 228, 235, 244, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng các Điều 275, 280, 385, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Ngọc Q.

Buộc chị Phan Thị T phải trả cho anh Đỗ Ngọc Q số tiền gốc là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày vay 22/11/2020 đến ngày xét xử (24/8/2021) là 26.112.000đ (Hai sáu triệu một trăm mười hai nghìn đồng), tổng cộng là 386.112.000đ (Ba trăm tám sáu triệu một trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Buộc chị Phan Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 19.305.600đ (Mười chín triệu ba trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Anh Đỗ Ngọc Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Đỗ Ngọc Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.100.000đ (Chín triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000787, ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Tiến